

**BỂU TƯỢNG HOA ĐÀO
TRONG KHO TÀNG CA DAO NGƯỜI VIỆT
SYMBOL OF PEACH BLOSSOM
IN THE VIETNAMESE FOLK-SONG TREASURE**

TRẦN HẠNH NGUYỄN

(Học viên Cao học, Đại học Sư phạm Hà Nội)

Abstract

The article studies the name of peach blossom and its symbolic meaning in the Vietnamese folk songs. Peach blossom is a symbol primarily for the beauty of the girls, and a symbol of love. There are many similarities between peach blossom and young girls, and love including the beauty, purity, charm, and also the fragility and weakness.

1. Mở đầu

Khảo sát 3 tập *Kho tàng ca dao người Việt*, chúng tôi thấy có 754 lời ca, với 2158 từ nói về hoa (huê, bông) và 87 loại hoa: *hoa đào, hoa sen, hoa mai, hoa hồng, hoa lan, hoa cúc, hoa nhài, hoa huệ, hoa gạo*,...

Trong kho tàng ca dao người Việt, hoa đào thuộc nhóm 5 loài hoa xuất hiện nhiều nhất trong thế giới muôn hoa (chiếm 18,3%). Hoa đào (146 lần, chiếm 6,8 %), hoa sen (101 lần, chiếm 4,7 %), hoa hồng (67 lần, chiếm 3,1 %), hoa cúc (50 lần, chiếm 2,3 %), hoa nhài 31 lần, chiếm 1,4 %). Xuất hiện 146 lần, ở vị trí thứ nhất trong bảng xếp loại, hoa đào được xem là loại hoa đặc trưng nở vào mùa xuân và là một di sản tinh thần của người Việt. Bên cạnh những loài hoa xuất hiện với tần số cao, có tới 39 loài hoa xuất hiện khiêm nhường, chỉ được nhắc đến 1 lần (*hoa táo, hoa ớt, hoa đỗ, hoa trinh nữ, hải đường, hoa muống, hoa cau*, ...).

Trong thế giới đa sắc của các loài hoa, hoa đào là thứ hoa đẹp và quý. Hầu hết các bộ phận của cây đào đều có giá trị đối với đời sống thực tế. Trong văn hóa của nhiều quốc gia, chủ yếu là các quốc gia phương Đông, hoa đào, cây đào, quả đào được lựa chọn làm biểu tượng với rất nhiều ý nghĩa khác nhau. Trước hết chúng

tôi muốn nói đến cây đào trong tự nhiên với các tính chất sinh học của nó. Đào là cây gỗ nhỏ, thuộc họ hoa hồng, cao khoảng 3 - 4 mét, lá đơn mọc so le, phiến hẹp và dài, cuống ngắn, mép có răng cưa nhỏ, hoa màu hồng nhạt, mọc riêng lẻ, có 5 cánh, cuống hoa ngắn, nhị hoa có khoảng 35- 40 cái, quả hạch có rãnh dọc, ở mặt ngoài có phủ nhung tơ. Nhân hạt, hoa, lá đào đều có tác dụng y học chữa một số bệnh cho người.

Kiếp hoa đào thật mỏng manh, từ lúc hoa nở đến lúc hoa tàn chỉ trong khoảng dăm ba ngày ngắn ngủi, cả mùa hoa cũng chỉ kéo dài được ba tuần. Nhưng dù ở thời điểm nào, vườn đào vẫn có một vẻ hấp dẫn riêng. Tươi mát, mơ màng khi những nụ hoa đầu tiên vừa chớm chín môi cười sau bao ngày im lìm trong băng giá. Tung bừng, rực rỡ khi cả ngàn hoa rộ nở. Man mác, nên thơ khi những cánh hoa rơi bay toả khắp không gian rồi trải thảm trên nền cỏ biếc.

Sắc hoa đào thắm tươi, nồng nàn, quyến rũ, kiếp hoa đào mỏng manh bạc mệnh, vườn hoa đào đẹp thanh thoát, thần tiên v.v... đã tạo được nhiều mỹ cảm cho người đời, nhiều thi hứng cho các tao nhân mặc khách? Chẳng thế mà trong kho tàng thi ca phong phú của Nhật Bản, Trung Hoa cũng như Việt Nam đã không

hiếm những áng thơ văn tuyệt mỹ, những trang tình sử diễm lệ có liên quan tới hoa đào.

2. Nghĩa biểu trưng của hoa đào trong ca dao

Theo *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, đào có những ý nghĩa biểu tượng sau:

- Hoa đào biểu tượng cho mùa xuân.
- Hoa đào là hình ảnh của sự đổi mới và sức sinh sản dồi dào. Ở Trung Quốc người ta lấy nó biểu tượng cho lễ cưới.
- Hoa đào tượng trưng cho sự trong trắng và thủy chung theo quan niệm của người Nhật Bản.
- Ở Trung Quốc quả đào được xem là có tác dụng phòng chống những ảnh hưởng xấu, trừ tà ma. Ngoài ra cây đào và quả đào thường biểu trưng cho sự trường sinh bất tử gắn với huyền thoại về cây đào của Tây Vương Mẫu cứ 3000 năm lại ra quả một lần, ai ăn quả đó sẽ được trường sinh bất tử.

Trong văn hóa Việt Nam, hoa đào cũng như cây đào, quả đào không hàm chứa hết những ý nghĩa biểu tượng ở trên mặc dù những ý nghĩa ấy không xa lạ gì với người Việt Nam qua lịch sử, văn hóa Trung Quốc cũng như Nhật Bản. Hoa đào đã đi vào lịch sử, ngôn ngữ hàng ngày và thi ca một cách đậm đà ý vị. Về lịch sử, vào tết Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung sau khi đem đoàn quân tốc chiến từ Nam ra Bắc, đại phá được 20 vạn quân Thanh xâm lược, liền sai quân sĩ chọn lấy một cành bích đào đẹp nhất Thăng Long, cho ngựa phi gấp mang vào Phú Xuân để tặng công chúa Ngọc Hân, thay cho thiệp báo tin mừng chiến thắng. Trong ngôn ngữ hàng ngày thì màu đào, dùng để tả màu hồng thắm hay đỏ tươi như: má đào, lụa đào, cờ đào, máu đào.

Với người Việt Nam, biểu tượng đào chủ yếu tập trung ở ý nghĩa của hoa đào, vườn đào mà ít khi nhắc đến cây đào hoặc quả đào. Điều này thể hiện rõ trong ca dao. Chúng tôi đã thống kê trong bộ Kho tàng ca dao Việt Nam có 146 lời ca nói tới đào, trong đó chiếm số

lượng chủ yếu là hình ảnh của hoa đào và vườn đào.

2.1. Hoa đào - biểu trưng cho vẻ đẹp người thiếu nữ

Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên, thiếu nữ và hoa được xem như biểu tượng của vẻ đẹp thánh thiện, hoàn mỹ. Khi liên tưởng tới vẻ đẹp của người con gái, tác giả dân gian đã thể hiện sự cảm nhận tinh tế trước vẻ đẹp của hoa đào. Trong vốn từ vựng tiếng Việt, từ tố “đào” trong nghĩa hoa đào xuất hiện trong rất nhiều từ ngữ nói về người thiếu nữ. Những từ ngữ ấy xuất hiện trong ca dao: *đào tơ* (6 lần), *đào non* (3 lần), *thơ đào* (2 lần)...

Nét nghĩa biểu trưng từ các bộ phận của loài hoa

Hoa đào xuất hiện với nghĩa biểu trưng có tần số cao trong các lời ca chứa từ đào. Với 17 lần lặp lại, *hoa đào* và nhiều biến thể của nó được liên tưởng với vẻ đẹp của người thiếu nữ. Thi sĩ dân gian đã khắc họa vẻ đẹp người phụ nữ trong tương quan với *hoa đào*, đôi khi là *búp đào*, *nụ đào*, *nhị hoa*:

Hình ảnh búp đào:

Đi ngang thấy búp hoa đào

Muốn vào mà bẻ sợ rào lăm gai

(KTCDNV, tr.822)

Bông hoa đào hé nở:

Bông đào chênh chếch nở ra

Thấy hoa liền hái biết cây ai trồng

(KTCDNV, tr.794)

Hình ảnh *búp hoa đào* hay *bông đào* chớm nở đầy e ấp, óng ánh như chính vẻ đẹp tự nhiên, căng đầy nhựa sống thanh tân của thiếu nữ.

Nét nghĩa biểu trưng từ phẩm chất hoa

Màu sắc và hương thơm của hoa làm nên vẻ đẹp của loài mình. Sắc thắm tươi hồng của hoa đào hay trái đào chín đỏ hây hây cũng được ví với vẻ đẹp rực rỡ của người con gái. Vẻ đẹp ấy đã hút hồn bao chàng trai và để lại những dấu ấn khó phai. Từ *má đào* xuất hiện 9 lần trong sự chuyển nghĩa chỉ vẻ đẹp tươi tắn, hồng hào của người con gái.

Đôi má căng hồng của người thiếu nữ như sắc hồng của hoa đào. Vì thế, nói *má đào* là nói đến người con gái đẹp:

Thấy ai hân hân má đào
Thanh tân mây liễu dạ nào chả thương
(KTCDNV, tr.2041)

Trong vườn đào tôi vẫn khát khao
Vì khách *má đào* còn đó chơ vơ
(KTCDNV, tr.1654)

Không chỉ hoa đào, búp đào, quả đào được ví với người con gái mà cả cây đào cũng được ca dao lấy làm biểu tượng cho người con gái:

Cây lê, cây lựu cây đào
Ba bốn cây đứng đó cây nào còn không?
(KTCDNV, tr.493)

Nói về *nụ*, nói về *đào tơ*, *đào non* hay *thơ đào*...là nhằm chỉ vẻ đẹp tươi non, xuân sắc, xuân thì của người phụ nữ:

Thấy em mắt phượng môi son
Mày ngài da tuyết đào non trên cành
(KTCDNV, tr. 2046)

Đào tơ sen ngó xanh xanh
Ai xui em đến chốn này gặp anh
Đào tơ sen ngó xanh xanh
Ngọc lành còn đợi, giá lành đẹp duyên.
(KTCDNV, tr.1849)

Theo quy luật tự nhiên, tuổi xuân của người con gái cũng nhạt phai như tuổi đời của đóa hoa. Lời trách móc của người con gái đối với người bạn tình nghe thật xót xa:

Thân thiếp như cánh hoa đào
Đang tươi đang tốt thiếp trao cho chàng
Bây giờ nhụy rữa hoa tàn
Vườn xuân nó kém sao chàng lại chê
(KTCDNV, tr.2034)

Tác giả dân gian đã lấy bộ phận của hoa cũng như đặc điểm, tính chất và trạng thái của hoa để chỉ vẻ đẹp và cuộc đời người phụ nữ.

2.2. Hoa đào - biểu trưng cho tình yêu

Vườn đào - vườn yêu: Vườn đào trong ca dao là vườn yêu, vườn tình ái, là nơi tình tứ. Hình ảnh biểu tượng này xuất hiện 30 lần, chiếm tỉ lệ cao trong các lời ca có từ *đào*. Trong vườn tình ái ấy, *vườn đào* trở thành

không gian tỏ tình lí tưởng nhất cho các chàng trai cô gái xuân thì:

Bướm vàng, bướm trắng, bướm xanh
Bay qua lượn lại, quẩn quanh vườn đào
(KTCDNV, tr. 681)

Chốn *vườn đào* là hình ảnh tượng trưng cho nơi gặp gỡ của các cô thôn nữ và các chàng nho sĩ mà không nhất thiết phải có một *vườn đào* thực ngoài đời:

Vườn đào vừa tốt vừa tươi
Mời chàng nho sĩ vào chơi vườn đào
Trăm hoa đua nở vườn đào
Mời chàng nho sĩ bước vào thăm hoa
(KTCDNV, tr.604)

Chiều chiều ra ngắm vườn đào
Hỏi thăm hoa lí rơi vào tay ai?
(KTCDNV, tr. 604)

Vẫn là biểu tượng *vườn đào* nhưng khi vườn ấy vắng bóng “*bướm ong qua lại*” là lúc người con gái đã phai *má đào* mà vẫn chưa tìm được bến đỗ tình yêu:

Chồng còn mô có anh nào
Em còn lặn lội vườn đào sớm trưa
(KTCDNV, tr.633)

Đào sóng đôi cùng hình tượng khác như mạn, lựu hay liễu - biểu trưng cho tình yêu: Hoa đào trong vai trò biểu tượng cho tình yêu được ca dao sử dụng nhiều theo từng cặp biểu tượng cho đôi bạn tình. Cặp biểu tượng thường gặp nhất và cũng quen thuộc nhất với người Việt Nam là *mận - đào* (*đào - lí*, *đào - liễu*) xuất hiện 30 lần qua những lời ca dao tỏ tình nổi tiếng.

Đào - Mận
Bây giờ mạn mới hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?
Mận hỏi thì đào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào
(KTCDNV, tr. 255)

Mận - đào, *vườn hồng* đã có sự chuyển nghĩa. Chuyện *mận - đào* và lối vào *vườn hồng* là cách nói xa xôi, bóng gió theo lối ước lệ, tượng trưng về cái khả năng có thể đến được với nhau trong tình yêu.

(KTCDNV, tr. 255)

Đào - Lựu

Cũng xuất hiện khá nhiều trong ca dao là cặp biểu tượng lựu – đào hầu hết mang ý nghĩa của sự trắc trở, chia xa trong tình yêu để lại nỗi nhớ thương da diết cho đôi bạn tình:

Sen xa hồ sen khô hồ cạn

Lựu xa đào, lựu ngã đào nghiêng

(KTCDNV, tr.1833)

Lựu và đào luôn biểu tượng cho sự cách trở trong tình yêu của đôi bạn tình. Ý nghĩa này phải chăng xuất phát từ thực tế hoa đào nở vào mùa xuân, hoa lựu nở vào mùa hè. Khi hoa đào đã tàn hết, quả đào đã xanh mướt thì hoa lựu mới nở. Đào và lựu nối tiếp nhau theo thời gian không cùng mùa nên chúng không bao giờ gặp được nhau.

Đào - Liễu

Ngoài các cặp biểu tượng trên, đào còn đi với liễu thành một cặp biểu tượng thường thấy trong ca dao. Đào - liễu cũng là đôi bạn tình son sắt, gắn bó mật thiết với nhau trong sự hội ngộ:

Đào ơi thương lấy liễu cùng

Ước mơ đào liễu vui chung một nhà

(KTCDNV, tr. 1561)

Trăng lên có chiếc sao châu

Hỏi thăm đào liễu đã ăn trầu ai chưa?

(KTCDNV, tr.2175)

Đào biểu tượng cho tình yêu đôi lứa là ý nghĩa chủ đạo trong những lời ca về tình yêu đôi lứa. Bên cạnh ý nghĩa đó, đào còn biểu tượng cho tình vợ - chồng:

Đôi ta như cánh hoa đào

Chồng đây vợ đấy ai nào kém ai.

(KTCDNV, tr.861)

2.3. Hoa đào - biểu trưng cho mùa xuân

Hoa đào được xem là loại hoa đặc trưng nở vào mùa xuân và là một di sản tinh thần của người Việt. Theo tự nhiên, loài cây này thường nở hoa vào mùa xuân nhưng trong hơn một trăm lời ca nhắc đến đào, chỉ có vài lần thi sĩ dân gian vương vীu với nàng tiên xuân và nhắc tới hoa đào:

Rằng đây thu cúc xuân đào

Mơ xe mạn lại gió chào trăng thu

(KTCDNV, tr.522)

3. Lời kết

Ý nghĩa biểu tượng của đào trong ca dao chủ yếu là biểu tượng cho vẻ đẹp của người con gái, biểu tượng cho tình yêu đôi lứa. Hoa đào và người thiếu nữ, hoa đào và hương sắc tình yêu có nhiều nét tương đồng. Đó là vẻ đẹp, sự dịu dàng, tinh khiết; nét đáng yêu, sức hấp dẫn và cả sự mỏng manh, yếu đuối, dễ bị tổn thương...Đào xuất hiện trong ca dao chủ yếu là hoa đào. Quả đào và cây đào cũng xuất hiện nhưng chỉ chiếm phần rất nhỏ. Điều này khác với ý nghĩa của đào trong các loại hình nghệ thuật khác cũng như trong thơ ca bác học.

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Ngọc Diệp, *Đôi nét về nhóm biểu tượng hoa trong ca dao*, [HTTP://www.dabatrose.com](http://www.dabatrose.com)
3. Trần thị Hồng Hạnh (2007), *Sự trùng hợp và khác biệt trong việc lựa chọn các ẩn dụ trong các nền văn hóa*, *Ngôn ngữ*, (11).
4. Nguyễn Thị Ngân Hoa (2005), *Sự phát triển ý nghĩa của hệ biểu tượng trang phục trong ngôn ngữ thơ ca Việt Nam*, Luận văn Tiến sĩ ngữ văn - Viện khoa học xã hội Việt Nam
5. Jean Chevalier Alain Gheerbrant (2002), *Từ điển Biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
6. Hà Quang Năng (2002), *Bản sắc văn hóa của người Việt qua các hình thể ngôn từ ẩn dụ trong ca dao Việt Nam*, *Ngôn ngữ văn hóa giao tiếp*. Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trần Văn Sáng (2009), *Hoa đào, từ biểu tượng văn hóa đến biểu trưng văn học*, *Ngôn ngữ & Đời sống* (1+2).
8. Mai Thục - Đỗ Đức Hiểu (1997), *Điện tích văn học, Một trăm truyện hay Đông Tây kim cổ*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Phan Thị Huyền Trang (2007) *Những liên tưởng ngữ nghĩa của từ Hoa trong Truyện Kiều - Nguyễn Du*, *Ngôn ngữ*, (11)
10. Phạm Thu Yên (1999), *Những thế giới nghệ thuật ca dao*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-07-2012)